

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo thực tế của trường cuối năm
năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	341	95	84	96	66
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	327 95,9%	90 94,74%	82 97,62%	92 95,83%	63 95,45%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	14 4,1%	5 5,26%	2 2,38%	4 4,17%	3 4,55%
3	Trung bình (đạt khối 6,7) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (chưa đạt khối 6,7) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	341	95	84	96	66
1	Giỏi (Tốt khối 6,7) (tỷ lệ so với tổng số)	88 25,81%	21 22,11%	19 22,62%	29 30,21%	19 28,79%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	150 43,98%	42 44,21%	38 45,24%	45 46,88%	25 37,88%
3	Trung bình (đạt khối 6,7) (tỷ lệ so với tổng số)	102 29,91%	32 33,68%	27 32,14%	22 22,91%	21 31,82%
4	Yếu (chưa đạt khối 6,7) (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,3%	0	0	0	01 1,52%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	275	95	84	96	66
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	274 99,6%	95	84	96	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	88 25,8%	21 22,11%	19 22,62%	29 30,21%	19 28,79%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	70 20,5%	42 44,21%	38 45,24%	45 46,88%	25 37,88%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,3%	0	0	0	01 1,52%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	02/02 0,58/0,58	01/01 0,95/0,95	0	01/01 0,96/0,96	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
		%	%		%	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi (văn hóa)	44	4	10	25	4
1	Cấp Quận	43	4	10	25	4
2	Cấp tỉnh/thành phố	1				0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	66				66
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	65				65
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	19 28,79%				19 28,79%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	25 37,88%				25 37,88%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	21 31,82%				21 31,82%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	5	1	1	1	2

Ninh Mỹ, ngày 08 tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đào Thị Nhân